

# **Công ty cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Kỹ thương**

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày thành lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2025



**Shape the future  
with confidence**

# Công ty cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Kỹ thương

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 33

12.  
Y

DU  
AM

CH

# Công ty cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Kỹ thương

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Kỹ Thương (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 100/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 16 tháng 7 năm 2025. Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, và kinh doanh nhượng tái bảo hiểm nhân thọ.

Công ty có trụ sở chính tại Tòa C5 D’Capitale, 119 Đường Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Chung Bá Phương	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 02 năm 2026
Ông Mukesh Pilia	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 02 năm 2026
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2025
Ông Alexandre Charles Emmanuel Macaire	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2025
Bà Nguyễn Thu Lan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2025
Bà Jyoti Pradipkumar Sekhsaria	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2025

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Thị Thái Hà	Trưởng ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2025
Bà Hà Thị Thu Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2025
Ông Phạm Quang Cảnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2025

### TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Mukesh Pilia	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 02 năm 2026
Ông Chung Bá Phương	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 02 năm 2026
		Bổ nhiệm ngày 27 tháng 8 năm 2025

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Mukesh Pilia	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 02 năm 2026
Ông Chung Bá Phương	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 02 năm 2026
	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2025

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



# Công ty cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Kỹ thương

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Kỹ thương ("Công ty") trình bày báo cáo này và phê duyệt báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập Công ty) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ông Mukesh Pilania  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 16 tháng 3 năm 2026



Shape the future  
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited  
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward  
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252  
Email: eyhcmc@vn.ey.com  
Website (EN): ey.com/en\_vn  
Website (VN): ey.com/vi\_vn

Số tham chiếu: 13914179/E-69647475

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông Công ty cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Kỹ thương**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Kỹ thương ("Công ty") được lập ngày 16 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 33, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập Công ty) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### **Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Shape the future  
with confidence

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập Công ty) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Vũ Tiến Dũng  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 3221-2025-004-1

Nguyễn Văn Trung  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 3847-2026-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> <b>(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>		<b>1.228.284.489.242</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>477.453.227.876</b>
111	1. Tiền		277.453.227.876
112	2. Các khoản tương đương tiền		200.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>738.683.000.000</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		738.683.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu</b>		<b>4.349.164.708</b>
131	1. Phải thu khách hàng		-
131.1	1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		-
132	2. Trả trước ngắn hạn cho người bán		-
135	3. Các khoản phải thu khác	6	4.349.164.708
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		-
141	1. Hàng tồn kho		-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>7.799.096.658</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	7.799.096.658
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> <b>(200 = 210 + 220 + 250 + 260)</b>		<b>47.468.053.100</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>15.000.000.000</b>
218	1. Phải thu dài hạn khác	6	15.000.000.000
218.1	1.1. Ký quỹ bảo hiểm		15.000.000.000
218.2	1.2. Phải thu dài hạn khác		-
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>26.193.256.434</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	323.587.115
222	Nguyên giá		333.938.000
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(10.350.885)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	219.695.694
228	Nguyên giá		222.790.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.094.306)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	25.649.973.625
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		-
258	1. Đầu tư dài hạn khác		-
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>6.274.796.666</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	7	6.274.796.666
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	23	-
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>		<b>1.275.752.542.342</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>		<b>114.154.871.759</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>113.757.447.008</b>
312	1. Phải trả người bán	11	14.026.792.322
312.1	1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm		7.060.704.165
312.2	1.2. Phải trả khác		6.966.088.157
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	8.980.651.827
315	3. Phải trả người lao động		15.458.323.500
316	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	72.421.839.699
319	5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	13	377.931.660
319.1	6. Phí bảo hiểm tạm thu, doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		2.491.908.000
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>397.424.751</b>
344	1. Dự phòng nghiệp vụ	15	397.424.751
344.1	1.1. Dự phòng toán học		353.543.441
344.2	1.2. Dự phòng phí chưa được hưởng		-
344.3	1.3. Dự phòng bồi thường		-
344.4	1.4. Dự phòng chia lãi		-
344.5	1.5. Dự phòng đảm bảo cân đối		-
344.7	1.6. Dự phòng lãi cam kết đầu tư tối thiểu		43.881.310
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>		<b>1.161.597.670.583</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>16</b>	<b>1.161.597.670.583</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.300.000.000.000
419	2. Quỹ dự trữ bắt buộc		-
421	3. Lỗ sau thuế lũy kế		(138.402.329.417)
421a	3.1. Lỗ lũy kế đến cuối năm trước		-
421b	3.2. Lỗ năm nay		(138.402.329.417)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>		<b>1.275.752.542.342</b>

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 16 tháng 3 năm 2026



Bà Bùi Minh Phương  
Người lập

Bà Nguyễn Thị Thu Hương  
Kế toán trưởng

Ông Mukesh Pilonia  
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

PHẦN I - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Kỳ kế toán từ ngày 16/7/2025 đến ngày 31/12/2025
10	1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	18.483.391.335
12	2. Doanh thu hoạt động tài chính	4.668.894.364
13	3. Thu nhập khác	-
20	4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(5.985.276.624)
22	5. Chi phí hoạt động tài chính	-
23	6. Chi phí bán hàng	(15.062.784.303)
24	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(140.506.554.189)
25	8. Chi phí khác	-
50	9. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10 + 12 + 13 + 20 + 22 + 23 + 24 + 25)	(138.402.329.417)
51	10. Chi phí thuế TNDN hiện hành	-
52	11. (Chi phí)/Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	-
60	12. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 + 51 + 52)	(138.402.329.417)

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 16 tháng 3 năm 2026



Bà Bùi Minh Phương  
Người lập

Bà Nguyễn Thị Thu Hương  
Kế toán trưởng

Ông Mukesh Paliania  
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

PHẦN II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG  
cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ kế toán từ ngày 16/7/2025 đến ngày 31/12/2025
<b>01</b>	<b>1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.3)</b>	<b>17</b>	<b>18.531.774.000</b>
	Trong đó:		
01.1	- Phí bảo hiểm gốc		18.531.774.000
01.3	- Dự phòng phí chưa được hưởng của bảo hiểm gốc		-
<b>02</b>	<b>2. Phí nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>18</b>	<b>(70.628.769)</b>
<b>03</b>	<b>3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01+ 02)</b>		<b>18.461.145.231</b>
<b>04</b>	<b>4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>		<b>22.246.104</b>
	Trong đó:		
04.1	- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm		22.246.104
<b>10</b>	<b>5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)</b>		<b>18.483.391.335</b>
<b>11</b>	<b>6. Chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm</b>		<b>-</b>
<b>12</b>	<b>7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>		<b>-</b>
<b>13</b>	<b>8. Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc</b>	<b>15</b>	<b>(397.424.751)</b>
<b>15</b>	<b>9. Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm (15 = 11 + 12 + 13)</b>		<b>(397.424.751)</b>
<b>16</b>	<b>10. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (16 = 16.1 + 16.2)</b>	<b>19</b>	<b>(5.587.851.873)</b>
	Trong đó:		
16.1	- Chi hoa hồng bảo hiểm		(5.383.919.600)
16.2	- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(203.932.273)
<b>17</b>	<b>11. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 15 + 16)</b>		<b>(5.985.276.624)</b>
<b>18</b>	<b>12. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 10 + 17)</b>		<b>12.498.114.711</b>
<b>22</b>	<b>13. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>22</b>	<b>4.668.894.364</b>
<b>23</b>	<b>14. Chi phí hoạt động tài chính</b>		<b>-</b>
<b>24</b>	<b>15. Lợi nhuận hoạt động tài chính (24 = 22 + 23)</b>		<b>4.668.894.364</b>

006  
 CÔNG  
 T  
 NST  
 'IÊ  
 PH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

PHẦN II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ kế toán từ ngày 16/7/2025 đến ngày 31/12/2025
25	16. Chi phí bán hàng	20	(15.062.784.303)
26	17. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(140.506.554.189)
30	18. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 18 + 24 + 25 + 26)		(138.402.329.417)
31	19. Thu nhập khác		-
32	20. Chi phí khác		-
40	21. Lợi nhuận khác (40 = 31 + 32)		-
50	22. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		(138.402.329.417)
51	23. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	-
52	24. (Chi phí)/Thu nhập thuế TNDN hoãn lại		-
60	25. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 + 51 + 52)		(138.402.329.417)

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 16 tháng 3 năm 2026



Bà Bùi Minh Phương  
Người lập



Bà Nguyễn Thị Thu Hương  
Kế toán trưởng



Ông Mukesh Paliania  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ kế toán từ ngày 16/7/2025 đến ngày 31/12/2025
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(138.402.329.417)
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		
03	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		13.445.191
05	- Các khoản dự phòng		397.424.751
08	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(4.155.477.508)
09	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		<b>(142.146.936.983)</b>
11	- Tăng các khoản phải thu		(15.193.687.200)
12	- Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		113.757.447.008
	- Tăng chi phí trả trước		(14.073.893.324)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(57.657.070.499)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(26.206.701.625)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(738.683.000.000)
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(764.889.701.625)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		1.300.000.000.000
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>1.300.000.000.000</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>477.453.227.876</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>-</b>
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>4</b>	<b>477.453.227.876</b>

CT. P.  
 NG  
 H. M.

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 16 tháng 3 năm 2026



*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*

Bà Bùi Minh Phương  
Người lập

Bà Nguyễn Thị Thu Hương  
Kế toán trưởng

Ông Mukesh Pilania  
Tổng Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Kỹ thương (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 100/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 16 tháng 7 năm 2025.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, và kinh doanh nhượng tái bảo hiểm nhân thọ.

Công ty có trụ sở chính tại Tòa C5 D'Capitale, 119 Đường Trần Duy Dung, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 137 người.

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với hướng dẫn Kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ ban hành kèm theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC (“Thông tư 199”) ban hành ngày 19 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm đầu tiên của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 16 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập) và kết thúc ngày 31 tháng 12. Từ các năm tiếp theo, kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam - VND.

**2.5 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực**

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.3 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.4 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.5 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Thiết bị văn phòng	3 năm
Phần mềm máy tính	4 - 8 năm

**3.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

38  
CỘNG  
HÒA  
XÃ HỘI  
CHUYÊN  
CỬA  
CỔNG  
ĐI  
CỘNG  
HÒA  
XÃ HỘI  
CHUYÊN  
CỬA  
CỔNG  
ĐI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các khoản chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ hai (02) đến ba (03) năm vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ và các vật dụng có giá trị lớn dùng trong hoạt động kinh doanh trên một (01) năm; và
- Các chi phí trả trước khác.

**3.8 Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.9 Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.10 Các khoản dự phòng**

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

**3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

302  
 TY  
 IH  
 YOI  
 NA  
 100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12 Dự phòng nghiệp vụ**

Dự phòng nghiệp vụ cho sản phẩm Liên kết chung tại Công ty được trích lập theo phương pháp đã được Bộ Tài chính phê duyệt. Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ bao gồm:

**3.12.1 Dự phòng toán học**

Dự phòng rủi ro bảo hiểm trích lập cho từng hợp đồng bảo hiểm là số lớn hơn giữa mức dự phòng tính theo phương pháp phí chưa được hưởng hoặc dự phòng tính theo phương pháp dòng tiền để đáp ứng được tất cả chi phí chi trả quyền lợi rủi ro bảo hiểm trong tương lai trong suốt thời hạn của hợp đồng.

Dự phòng nghiệp vụ đối với phần liên kết chung cho từng hợp đồng bảo hiểm bằng: Tổng giá trị hoàn lại của các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung cộng với khoản dự phòng nhằm đảm bảo cho việc chi trả giá trị tài khoản đối với các hợp đồng dự kiến xảy ra sự kiện bảo hiểm trong năm.

Dự phòng trên từng hợp đồng bảo hiểm cho các quyền lợi bảo hiểm khác gồm dự phòng cho quyền lợi thưởng duy trì hợp đồng sẽ phát sinh trong tương lai.

**3.12.2 Dự phòng bồi thường**

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng đến cuối kỳ kế toán chưa được giải quyết. Dự phòng này được xác định dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng khiếu nại bồi thường tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối kỳ kế toán.

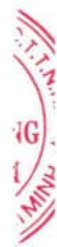
**3.12.3 Dự phòng đảm bảo cân đối**

Dự phòng đảm bảo cân đối được trích lập hàng năm, bằng 1% lợi nhuận trước thuế của Công ty bảo hiểm nhân thọ cho đến khi khoản dự phòng này bằng 5% phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính.

Các khoản dự phòng nghiệp vụ của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc được phản ánh là Các khoản Nợ khác.

**3.12.4 Dự phòng đảm bảo lãi suất cam kết**

Dự phòng đảm bảo lãi suất cam kết là dự phòng được trích lập trong trường hợp kết quả đầu tư từ nguồn phí bảo hiểm thấp hơn lãi suất cam kết, được tính trên mức chênh lệch giữa kết quả đầu tư từ nguồn phí bảo hiểm và lãi suất cam kết của Công ty đối với khách hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu phí bảo hiểm gốc*

Doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm hoặc Công ty có thỏa thuận cho bên mua nợ phí. Trong trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm về việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ được quy định trong hợp đồng bảo hiểm, doanh thu phí bảo hiểm được hạch toán tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh. Các khoản phí đến hạn sau ngày lập báo cáo nhưng đã nhận được trước ngày kết thúc năm tài chính sẽ được ghi nhận là "Doanh thu chưa thực hiện" trên bảng cân đối kế toán.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**3.14 Ghi nhận hoạt động nhượng tái bảo hiểm**

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thỏa thuận này đã được ghi nhận.

Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi hợp đồng này đã được ghi nhận.

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

**3.15 Chi trả tiền bảo hiểm và chi trả đáo hạn**

Chi trả tiền bảo hiểm và chi trả đáo hạn được ghi nhận khi nghĩa vụ thanh toán của Công ty theo điều khoản của hợp đồng bảo hiểm được xác lập.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Chi hoa hồng bảo hiểm**

Chi hoa hồng bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh.

Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh trong năm. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính và chi trả theo từng quyết định phê chuẩn sản phẩm của Bộ Tài chính và phù hợp với quy định tại Thông tư 67.

**3.17 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng bao gồm các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng, cung cấp dịch vụ bảo hiểm nhân thọ trong đó các khoản thưởng, hỗ trợ đại lý bảo hiểm và các quyền lợi khác theo thỏa thuận tại các hợp đồng đại lý được thực hiện như sau:

- ▶ Đối với các đại lý thực hiện khai thác mới: Tổng các khoản thưởng, hỗ trợ đại lý bảo hiểm và các quyền lợi khác của đại lý trong mỗi năm tài chính không vượt quá tổng giá trị của 20% phí bảo hiểm thực tế thu được của các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ 01 năm trở xuống và 01 năm tái tục hàng năm và 30% phí bảo hiểm khai thác năm đầu thực tế thu được đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 01 năm;
- ▶ Đối với các đại lý thực hiện chăm sóc các hợp đồng bảo hiểm tái tục có thời hạn trên 01 năm: Tổng các khoản thưởng, hỗ trợ đại lý bảo hiểm và các quyền lợi khác trong mỗi năm tài chính không vượt quá 7% phí bảo hiểm tái tục thực tế thu được trong năm.

**3.18 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận khi phát sinh.

**3.19 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của khoản mục này trong báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Sử dụng các ước tính

Việc trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày những khoản công nợ tiềm tàng. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả lập dự phòng. Các ước tính này được dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có thay đổi dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Tiền gửi ngân hàng	276.889.227.876
Tiền đang chuyển	564.000.000
Các khoản tương đương tiền (*)	200.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>477.453.227.876</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền gồm hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng, lãi suất 4,75%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	738.683.000.000	738.683.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>738.683.000.000</b>	<b>738.683.000.000</b>

Tiền gửi có kỳ hạn gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng – 1 năm, lãi suất 7,0%-7,5%/năm.

311  
ĐNG  
TNH  
T &  
ET  
YOT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập) đến  
 ngày 31 tháng 12 năm 2025

**6. PHẢI THU KHÁC**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND</i>
<b>Ngắn hạn</b>	
Phải thu lãi tiền gửi	4.155.477.508
Phải thu ngắn hạn khác	193.687.200
	<u><b>4.349.164.708</b></u>
<b>Dài hạn</b>	
Ký quỹ bảo hiểm bắt buộc	15.000.000.000
	<u><b>15.000.000.000</b></u>

Công ty đã thực hiện ký quỹ bảo hiểm số tiền bằng 15 tỷ VND theo quy định tại Khoản 2 điều 96 Luật kinh doanh bảo hiểm 2022.

**7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND</i>
<b>Ngắn hạn</b>	
Chi phí bản quyền sử dụng phần mềm	7.646.454.669
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	152.641.989
	<u><b>7.799.096.658</b></u>
<b>Dài hạn</b>	
Công cụ dụng cụ	2.326.425.091
Chi phí bản quyền sử dụng phần mềm	1.351.666.667
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.596.704.908
	<u><b>6.274.796.666</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập) đến  
 ngày 31 tháng 12 năm 2025

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<i>Thiết bị văn phòng VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	-	-
Mua mới trong năm	333.938.000	333.938.000
Số cuối năm	<u>333.938.000</u>	<u>333.938.000</u>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>		
Số đầu năm	-	-
Khấu hao trích trong năm	(10.350.885)	(10.350.885)
Số cuối năm	<u>(10.350.885)</u>	<u>(10.350.885)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	<u>323.587.115</u>	<u>323.587.115</u>

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>Phần mềm VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	-	-
Mua mới trong năm	222.790.000	222.790.000
Số cuối năm	<u>222.790.000</u>	<u>222.790.000</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số đầu năm	-	-
Hao mòn trong năm	(3.094.306)	(3.094.306)
Số cuối năm	<u>(3.094.306)</u>	<u>(3.094.306)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	<u>219.695.694</u>	<u>219.695.694</u>

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND</i>
Tổng số chi phí xây dựng cơ bản dở dang	25.649.973.625
Trong đó: Chi phí phát triển hệ thống nghiệp vụ	20.107.270.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND</i>	
<b>Tổng phải trả về hợp đồng bảo hiểm</b>	<b>7.060.704.165</b>
Phải trả hoa hồng và thưởng đại lý banca	6.056.249.600
Phải trả hoàn phí bảo hiểm	920.000.000
Phải trả hoạt động nhượng tái bảo hiểm	48.382.665
Phải trả khác về hợp đồng bảo hiểm	36.071.900
<b>Phải trả khác cho người bán</b>	<b>6.966.088.157</b>
Phải trả mua phần mềm và thiết bị công nghệ	6.129.406.500
Phải trả khác	836.681.657
<b>Tổng phải trả người bán</b>	<b><u>14.026.792.322</u></b>

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<i>Phát sinh trong năm</i>			
	<i>Số đầu năm VND</i>	<i>Số phải nộp trong năm VND</i>	<i>Số đã nộp VND</i>	<i>Số cuối năm VND</i>
Thuế GTGT	-	13.355.600	(10.351.400)	3.004.200
Thuế TNCN	-	13.803.205.117	(4.825.557.490)	8.977.647.627
	-	<b>13.816.560.717</b>	<b>(4.835.908.890)</b>	<b>8.980.651.827</b>

**13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND</i>	
Phí bảo hiểm tạm thu, doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	2.491.908.000
Phải trả khác	377.931.660
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 24.3)</i>	267.879.995
<i>Phải trả khác</i>	110.051.665
	<b>2.869.839.660</b>

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND</i>	
Phải trả chi phí triển khai phần mềm CNTT	43.335.205.599
Phải trả chi phí thưởng đại lý banca	4.454.400.000
Phải trả chi phí nhân viên	14.059.013.447
Phải trả chi phí truyền thông, tổ chức sự kiện	2.028.752.304
Phải trả tài sản cố định, công cụ dụng cụ nhận chuyển giao	1.865.238.819
Phải trả khác	6.679.229.530
	<b>72.421.839.699</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

**15. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ**

Thay đổi dự phòng nghiệp vụ trong năm như sau:

	Số đầu năm VND	Thay đổi trong năm VND	Số cuối năm VND
Dự phòng toán học	-	353.543.441	353.543.441
Dự phòng lãi cam kết đầu tư tối thiểu	-	43.881.310	43.881.310
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>397.424.751</b>	<b>397.424.751</b>

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**16.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày thành lập	-	-	-
Tăng vốn	1.300.000.000.000	-	1.300.000.000.000
Lỗ thuần trong năm	-	(138.402.329.417)	(138.402.329.417)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>	<b>1.300.000.000.000</b>	<b>(138.402.329.417)</b>	<b>1.161.597.670.583</b>

**16.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Thành viên góp vốn	Số vốn góp VND	Tỷ lệ sở hữu %
Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam	1.040.000.000.000	80,00
Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	130.000.000.000	10,00
Bùi Thị Hải Hà	52.000.000.000	4,00
Bùi Thị Hương	39.000.000.000	3,00
Lê Thị Huyền Linh	39.000.000.000	3,00
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.300.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

**16.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

Kỳ kế toán từ ngày  
16/7/2025 đến ngày  
31/12/2025  
VND

**Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu**

Số đầu năm	-
Vốn góp tăng	1.300.000.000.000
Vốn góp giảm	-
Số cuối năm	<u>1.300.000.000.000</u>

**Cổ tức, lợi nhuận đã chia**

-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

**17. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM**

	Thuyết minh	Kỳ kế toán từ ngày 16/7/2025 đến ngày 31/12/2025 VND
Phí bảo hiểm gốc		18.531.774.000
<i>Doanh thu phí bảo hiểm gốc</i>	17.1	21.961.884.000
<i>Hoàn phí bảo hiểm gốc</i>		3.430.110.000
Dự phòng phí chưa được hưởng của bảo hiểm gốc		-
		<b>18.531.774.000</b>

**17.1 Doanh thu phí bảo hiểm gốc**

	Kỳ kế toán từ ngày 16/7/2025 đến ngày 31/12/2025 VND
Bảo hiểm Liên kết chung	21.961.884.000
	<b>21.961.884.000</b>

**18. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM**

	Kỳ kế toán từ ngày 16/7/2025 đến ngày 31/12/2025 VND
Bảo hiểm Liên kết chung	70.628.769
	<b>70.628.769</b>

**19. CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM**

	Kỳ kế toán từ ngày 16/7/2025 đến ngày 31/12/2025 VND
Chi hoa hồng	5.383.919.600
Chi phí ngân hàng thu phí bảo hiểm	140.485.951
Chi phí khác	63.446.322
	<b>5.587.851.873</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

**20. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<i>Kỳ kế toán từ ngày 16/7/2025 đến ngày 31/12/2025 VND</i>
Chi phí nhân viên	7.759.286.878
Chi phí đại lý	5.280.441.120
Công cụ và đồ dùng văn phòng	82.550.000
Chi phí tiếp thị, marketing	426.739.316
Chi phí khấu hao	4.125.000
Chi phí khác	1.509.641.989
	<b><u>15.062.784.303</u></b>

**21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Kỳ kế toán từ ngày 16/7/2025 đến ngày 31/12/2025 VND</i>
Chi phí nhân viên	64.797.844.842
Chi phí tư vấn	46.648.744.707
Chi phí công nghệ thông tin	21.129.293.437
Chi phí khấu hao	9.320.191
Thuế, phí và lệ phí	13.355.600
Chi phí thương hiệu, tổ chức sự kiện	4.764.401.366
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.861.401.318
Công cụ và đồ dùng văn phòng	282.192.728
	<b><u>140.506.554.189</u></b>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<i>Kỳ kế toán từ ngày 16/7/2025 đến ngày 31/12/2025 VND</i>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi thanh toán	4.668.894.364
	<b><u>4.668.894.364</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

**23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**23.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lỗ kế toán trước thuế:

	Kỳ kế toán từ ngày 16/7/2025 đến ngày 31/12/2025 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(138.402.329.417)
Các khoản điều chỉnh tăng <i>Chi phí không được khấu trừ</i>	4.512.803.451
<b>Lỗ tính thuế ước tính</b>	<b>(133.889.525.966)</b>
Lỗ sau thuế được chuyển sang năm sau	<u>(133.889.525.966)</u>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<u>-</u>

**23.2 Lỗ chuyển sang năm sau**

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 133.889.525.966 VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

					<i>Đơn vị tính: VND</i>
<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển lỗ đến năm</i>	<i>Lỗ tính thuế</i>	<i>Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2025</i>	<i>Không được chuyển lỗ</i>	<i>Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2025</i>
2025	2030	(133.889.525.966)	-	-	(133.889.525.966)
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>(133.889.525.966)</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>(133.889.525.966)</u></b>

(\*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại cho phần lỗ lũy kế còn lại trị giá 133.889.525.966 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập) đến  
 ngày 31 tháng 12 năm 2025

**24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương	Công ty con cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương	Công ty con cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Techcombank	Công ty con cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phi nhân thọ Techcom	Công ty con cùng Tập đoàn

**24.1 Thu nhập của người quản lý Công ty**

Thu nhập của người quản lý Công ty:

Tên	Chức vụ	Kỳ kế toán từ ngày 16/7/2025 đến ngày 31/12/2025 VND
Ông Chung Bá Phương	Tổng Giám đốc	1.475.062.264
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>1.475.062.264</u></b>

**24.2 Giao dịch trọng yếu trong năm của Công ty với các bên liên quan**

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	Kỳ kế toán từ ngày 16/7/2025 đến ngày 31/12/2025 VND
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	Công ty mẹ	Góp vốn thành lập	1.040.000.000.000
		Lãi tiền gửi thanh toán và tiền gửi có kỳ hạn	4.668.894.364
		Chi phí giao dịch qua ngân hàng	162.069.643
		Chi phí hoa hồng và thưởng đại lý bảo hiểm	10.510.649.600
		Chi phí trước thành lập	47.014.955.792
		Chi phí khác	270.233.285

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

24.3 **Số dư các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên có liên quan**

Chi tiết số dư các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên có liên quan tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

		Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND
<b>Phải thu khác</b>			
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	Công ty mẹ	Tiền gửi có kỳ hạn	938.683.000.000
		Tiền gửi thanh toán	276.889.227.876
		Ký quỹ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	15.000.000.000
		Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.155.477.508
			<u>1.234.727.705.384</u>
<b>Phải trả người bán (Thuyết minh số 11)</b>			
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	Công ty mẹ	Phải trả chi phí hoa hồng và thường đại lý banca	6.056.249.600
<b>Phải trả khác (Thuyết minh số 13)</b>			
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	Công ty mẹ	Phải trả khác	267.879.995
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 14)</b>			
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	Công ty mẹ	Phải trả chi phí triển khai phần mềm CNTT	17.356.611.574
		Phải trả chi phí thường đại lý banca	4.454.400.000
		Phải trả chi phí trước thành lập	1.865.238.819
		Phải trả khác	1.113.541.539
			<u>24.789.791.932</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

**25. QUẢN LÝ RỦI RO**

**25.1 Mục tiêu quản lý rủi ro và các chính sách quản lý rủi ro**

Hội đồng quản trị và Người đại diện theo Pháp luật của Công ty nhận thấy tầm quan trọng của một khung quản trị rủi ro minh bạch và hiệu quả nhằm đảm bảo các mục tiêu hoạt động của Công ty; đồng thời bảo vệ các Thành viên góp vốn, các khách hàng và các bên liên quan khác.

Công ty đã thiết lập bộ phận quản trị rủi ro với cơ cấu tổ chức rõ ràng và các điều khoản hoạt động được phê duyệt. Chính sách quản lý rủi ro được xây dựng nhằm quy định về các nguyên tắc chung trong công tác quản trị rủi ro (bao gồm nguyên tắc quản trị rủi ro, cơ cấu tổ chức quản trị - điều hành trong việc quản trị rủi ro, các công cụ, phương thức quản trị rủi ro và trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị tham gia vào quá trình quản trị rủi ro) được áp dụng thống nhất và gắn liền với tầm nhìn, sứ mệnh và mục tiêu chiến lược của Công ty.

Công ty áp dụng phương pháp quản trị rủi ro toàn diện, được đánh giá là cần thiết trong việc xác định rõ vai trò và nhiệm vụ của các cá nhân, bộ phận tham gia quá trình kinh doanh/ chấp nhận rủi ro cũng như quản trị rủi ro để đảm bảo hiệu quả việc theo dõi, kiểm soát những rủi ro trong khuôn khổ giới hạn chấp nhận. Đồng thời, đảm bảo việc kiểm soát thường xuyên, liên tục các hệ thống văn bản quản trị rủi ro; và đảm bảo quy trình quản trị rủi ro được định nghĩa rõ ràng bao gồm: xác định, đo lường, theo dõi, giám sát rủi ro.

**25.2 Quản lý vốn**

Công ty ưu tiên duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ cho sự phát triển trong kinh doanh và đảm bảo yêu cầu về vốn pháp định, cũng như các yêu cầu về Biên khả năng thanh toán theo quy định của các văn bản pháp luật liên quan. Bảng dưới đây nêu lên biên khả năng thanh toán tối thiểu và biên khả năng thanh toán của Công ty:

	<i>Biên khả năng thanh toán (triệu VND)</i>	<i>Biên khả năng thanh toán tối thiểu (triệu VND)</i>	<i>Tỷ lệ biên khả năng thanh toán (%)</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	1.140.158	2.889	39.464

**26. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM**

**26.1 Đo lường, đánh giá rủi ro bảo hiểm**

Công ty cũng sử dụng nhiều phương pháp để đánh giá và giám sát rủi ro bảo hiểm, bao gồm đánh giá đo lường rủi ro và kiểm tra sức chịu đựng:

- Việc đo lường đảm bảo có khả năng xác định và lượng hóa rủi ro phù hợp với tính chất, phạm vi và mức độ phức tạp của các rủi ro phát sinh từ hoạt động kinh doanh, các tác động đến vốn, an toàn hoạt động và an toàn tài chính;
- Kiểm tra sức chịu đựng về vốn và khả năng thanh toán, trong đó đảm bảo việc đánh giá, phân tích khả năng tiếp tục hoạt động trong các tình huống bất lợi đối với hoạt động kinh doanh tại Công ty.

**26.2 Các quy trình nghiệp vụ**

Phê duyệt sản phẩm mới, khai thác bảo hiểm, các quy trình phê duyệt giao dịch nghiệp vụ; quy trình thẩm định và phát hành hợp đồng và quy trình giải quyết bồi thường được xây dựng và tuân thủ nghiêm ngặt nhằm đảm bảo mục tiêu hoạt động quản lý rủi ro bảo hiểm.

02. TY | OUI AN | CỨ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập) đến  
 ngày 31 tháng 12 năm 2025

**26. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM (tiếp theo)**

**26.3 Các giả định trong tính toán dự phòng bảo hiểm nhân thọ**

Công ty lập các loại dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm nhằm đảm bảo thực hiện các cam kết đối với khách hàng theo quy định tại các văn bản pháp luật liên quan và phải được Chuyên gia tính toán xác nhận. Các phương pháp trích lập dự phòng đều đã được phê duyệt bởi Bộ Tài chính. Để thiết lập các dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm, các giả định tương đối thận trọng được đưa ra nhằm tránh các biến động trong thực tiễn hoạt động. Hoạt động kiểm tra hàng năm được thực hiện nhằm đảm bảo mức chênh lệch giữa giả định áp dụng và ước tính khả thi nhất với kết quả trong tương lai nằm trong giới hạn chấp nhận được.

Các giả định cơ bản sử dụng trong tính toán dự phòng cho các hợp đồng dài hạn bao gồm:

- Bảng tỷ lệ tử vong: Bảng tỷ lệ tử vong sử dụng trong tính toán dự phòng dựa trên Cơ sở kỹ thuật được phê duyệt và tuân thủ theo quy định của pháp luật. Công ty hiện đang sử dụng Bảng tỷ lệ tử vong CSO 1980.
- Bảng tỷ lệ bệnh tật, thương tật, tai nạn: Tỷ lệ xảy ra bệnh tật trong tính toán dự phòng dựa trên Cơ sở kỹ thuật được phê duyệt. Các tỷ lệ rủi ro bệnh tật, thương tật, tai nạn được tính toán dựa trên kinh nghiệm của doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm hoặc được cung cấp bởi các công ty tái bảo hiểm quốc tế có nhiều kinh nghiệm tại thị trường Việt Nam và được Bộ Tài chính phê duyệt.
- Lãi suất trích lập dự phòng: Năm 2025, Công ty sử dụng lãi suất trích lập dự phòng là 2,28% cho tất cả các hợp đồng bảo hiểm, tuân theo Thông tư số 01/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 2 năm 2019 do Bộ Tài Chính ban hành và lãi suất này đã được Bộ Tài chính phê chuẩn trước khi áp dụng.

**26.4 Các hoạt động tái bảo hiểm**

Công ty tái bảo hiểm một phần rủi ro bảo hiểm để kiểm soát khả năng lỗ và bảo đảm an toàn vốn, thông qua các hợp đồng Tái bảo hiểm theo từng thời kỳ. Các hợp đồng tái bảo hiểm chuyển giao một phần rủi ro và giới hạn rủi ro đối với từng hợp đồng/người được bảo hiểm. Mức độ rủi ro giữ lại phụ thuộc vào đánh giá của Công ty đối với mỗi loại rủi ro cụ thể, phụ thuộc vào từng hoàn cảnh nhất định, nhằm tối đa hóa mức rủi ro chấp nhận được dựa trên phân tích từng đặc tính rủi ro. Theo các điều khoản của hợp đồng bảo hiểm, nhà tái bảo hiểm đồng ý hoàn trả số tiền bồi thường cho phần nhượng bảo hiểm trong trường hợp có tổn thất bảo hiểm. Tuy nhiên, Công ty vẫn phải có trách nhiệm đối với chủ hợp đồng cho phần tái nếu nhà tái bảo hiểm không thể thanh toán cho phần nghĩa vụ của họ.

Các hợp đồng tái bảo hiểm chứa đựng rủi ro tín dụng đối tác, để giảm thiểu rủi ro, chỉ những công ty tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá tín nhiệm theo quy định của Pháp luật và quy định nội bộ của Công ty, căn cứ vào các đánh giá công khai của các công ty chuyên về xếp hạng tín nhiệm, hoặc do đánh giá nội bộ mới được phép tiến hành giao dịch.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

**27. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Các hoạt động của Công ty có thể chịu một số rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

**27.1 Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là các rủi ro phát sinh từ thị trường đầu tư đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty. Quy định quản trị rủi ro thị trường được thiết lập nhằm các mục tiêu:

- Hệ thống hóa các nguyên tắc chính trong quản trị rủi ro thị trường để cung cấp một hệ thống cấu trúc quản trị rủi ro thị trường phù hợp nhằm đảm bảo Công ty có thể nhận diện, đo lường, giám sát và kiểm soát các rủi ro phát sinh từ biến động thị trường, từ đó bảo vệ lợi ích của Khách hàng, cổ đông và duy trì sự ổn định tài chính bền vững, dài hạn;
- Đảm bảo tuân thủ yêu cầu của pháp luật, Bộ Tài chính và phù hợp với các tiêu chuẩn, thông lệ quốc tế hiện hành.

Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tỷ giá, rủi ro cổ phiếu và rủi ro lãi suất:

(i) Rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro liên quan đến biến động bất lợi của tỷ giá trên thị trường đối với các hoạt động nhận, nhượng tái bảo hiểm, đầu tư nước ngoài. Hầu hết các tài sản tài chính Công ty nắm giữ đều có mệnh giá VND và hoạt động nhượng tái bảo hiểm với các đối tác tái bảo hiểm, đồng tiền giao dịch quy định trong hợp đồng là VND. Do đó Công ty đánh giá rằng rủi ro tỷ giá của Công ty đang ở mức tối thiểu.

(ii) Rủi ro cổ phiếu

Rủi ro giá cổ phiếu: là rủi ro liên quan đến biến động bất lợi của giá cổ phiếu trên thị trường đối với giá trị của cổ phiếu, giá trị chứng khoán phái sinh của Công ty. Trong năm 2025, Công ty không đầu tư vào cổ phiếu hay chứng khoán phái sinh, do đó, Công ty đánh giá rủi ro giá cổ phiếu đang ở mức tối thiểu.

(iii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro liên quan đến biến động bất lợi của lãi suất trên thị trường đối với giá trị của giấy tờ có giá, công cụ tài chính có lãi suất, công cụ phái sinh, tài sản đầu tư của Công ty.

Công ty đo lường, giám sát và kiểm soát rủi ro lãi suất bằng cách sử dụng một số chỉ số bao gồm hạn mức rủi ro lãi suất, phân tích khoảng chênh lệch của dòng tiền và kiểm tra sức chịu đựng. Chính sách đầu tư và việc quản lý tài sản Nợ/Có (ALM) yêu cầu phải có sự phù hợp chặt chẽ giữa tài sản và nợ. Việc kinh doanh dài hạn có thể khó đạt được sự phù hợp do thị trường thiếu tài sản tương ứng. Chiến lược phù hợp sẽ được xác định có tính đến khẩu vị rủi ro, tính sẵn có của tài sản dài hạn, lãi suất thị trường hiện tại và dự kiến, các mức độ cam kết lãi suất.

(iv) Rủi ro không tương xứng về thời hạn của tài sản đầu tư và trách nhiệm cam kết trong hợp đồng bảo hiểm

Công ty kiểm soát rủi ro mất cân xứng giữa tài sản và trách nhiệm thông qua sự đa dạng hóa tài sản đầu tư về loại tài sản cũng như thời gian đáo hạn bình quân. Công ty thực hiện đo lường và theo dõi danh mục dòng tiền nghĩa vụ nợ của bên mua bảo hiểm dự kiến. Dự phòng cho doanh thu khai thác mới, dự phòng cho các quyền lợi/cam kết được đảm bảo gắn kèm trong sản phẩm bảo hiểm và dự phòng cho mức lãi suất cam kết tối thiểu đều được cân nhắc trong quá trình lựa chọn và đa dạng hóa danh mục tài sản.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

**27. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**27.2 Rủi ro tín dụng đối tác**

Rủi ro tín dụng đối tác là rủi ro liên quan đến việc đối tác không thực hiện được các cam kết thanh toán đối với các hoạt động đầu tư, hoạt động tái bảo hiểm và hoạt động kinh doanh khác của Công ty.

Công ty nhận diện và quản lý rủi ro tín dụng đối tác xuyên suốt trong hoạt động đầu tư, hoạt động tái bảo hiểm và các hoạt động kinh doanh khác thông qua mô hình ba tuyến phòng vệ và việc xây dựng hệ thống quy định, quy trình để quản lý rủi ro bao gồm đầy đủ các bước từ nhận diện sớm rủi ro, thẩm định, phê duyệt, kiểm soát sau; cũng như các công cụ đo lường, công cụ quản lý và nền tảng hệ thống công nghệ thông tin, dữ liệu. Các hoạt động nghiệp vụ, hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư, hoạt động tái bảo hiểm làm phát sinh rủi ro tín dụng đối tác phải được phê duyệt bởi cấp có đủ thẩm quyền.

**27.3 Rủi ro thanh khoản**

Công ty xây dựng chiến lược quản lý rủi ro thanh khoản dựa trên nguyên tắc:

- Quản lý thanh khoản một cách toàn diện trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, đồng thời xem xét việc thiết lập hạn mức/ngưỡng cảnh báo rủi ro thanh khoản cho toàn bộ danh mục đầu tư khi thực hiện kế hoạch Phân Bỏ Tài Sản Chiến Lược của Công ty cũng như từng quỹ riêng lẻ đảm bảo phù hợp với bối cảnh hoạt động kinh doanh theo từng thời kỳ;
- Đảm bảo đánh giá được nhu cầu thanh khoản tổng thể của Công ty trong các khoảng thời gian khác nhau (ngắn hạn, trung hạn, dài hạn) và quản lý tài sản có tính thanh khoản cao theo giá trị thị trường và khả năng chuyển đổi thành tiền để đáp ứng yêu cầu thanh khoản trong điều kiện thị trường hoạt động bình thường và thị trường khó khăn về thanh khoản.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi-phái-sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn gốc của hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu:

Công ty cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Kỹ thương

B09-DNNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

27. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

27.3. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	Tổng giá trị ghi sổ VND	Không xác định ngày kỳ hạn VND	Kỳ hạn gốc dưới 1 năm VND	Kỳ hạn gốc từ 1 đến 5 năm VND	Kỳ hạn gốc trên 5 năm VND
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>					
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
Các khoản phải trả ngắn hạn	113.757.447.008	-	113.757.447.008	-	-
Dự phòng nghiệp vụ	397.424.751	-	-	-	397.424.751
<b>Tổng nợ phải trả tài chính</b>	<b>114.154.871.759</b>	<b>-</b>	<b>113.757.447.008</b>	<b>-</b>	<b>397.424.751</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

**28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính của Công ty.

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 16 tháng 3 năm 2026



Bà Bùi Minh Phương  
Người lập

Bà Nguyễn Thị Thu Hương  
Kế toán trưởng

Ông Mukesh Paliania  
Tổng Giám đốc